

Số: 1467/2018/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2018, giữa;

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1991; nơi cư trú: 778/42/13 Thống Nhất, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Choi IL G, sinh năm 1972; địa chỉ: 357-101 G Sangil Gangdong Sl, Hàn Quốc; nơi ở hiện nay: 80 Da, Chubu, GeumSan-Gun, ChungC-Do, Korea.

Người phiên dịch cho bị đơn: Bà Bùi Thị An K, sinh năm 1993; cư trú: 54A Văn C, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1 Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1991; nơi cư trú: 778/42/13 Thống Nhất, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Choi IL G, sinh năm 1972; địa chỉ: 357-101 G Sangil Gangdong Sl, Hàn Quốc; nơi ở hiện nay: 80 Da, Chubu, GeumSan-Gun, ChungC-Do, Korea.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim A và ông Choi IL G thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 1420, quyển số 8 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/6/2015 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Trần Thị Kim A tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0044916 ngày 22/6/2018 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim A số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

e) Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND TP.HCM (để ghi chú sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, HS (T/15).

THẨM PHÁN

Châu Thị Diệp